TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/KDTM-ST
Ngày 28/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Ngọc.

2. Ông Từ Văn Út.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2022/QĐXX-ST ngày 19/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 409/2022/QĐST-KDTM ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH VN. Trụ sở: Phòng 03, Tầng 7, Toà nhà Tulip, số 15 đường V, Phường PT, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Mai Tấn P, chức vụ: Giám đốc. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH An C.

Trụ sở: 5/10, hẻm 2020, đường HTP, khu phố z, thị trấn Y, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị D, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2020 các biên bản tự khai, biên bản việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ của nguyên đơn Công ty TNHH VN đại diện pháp luật ông P trình bày:

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa Công ty TNHH An C và Công ty TNHH VN có kí hợp đồng kinh tế số : 02/HĐKT/AC-LNV/2020 về việc cung cấp và thi công ép cọc ép đại trà cọc D300 cho dự án "BỆNH VIỆN SẢN NHI LONG AN" theo đúng bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy phạm, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng của Dự án, đáp ứng các yêu cầu chất lượng, an toàn lao động, tiến độ, và các thoả thuận khác trong Hợp Đồng (Điều 1). Tổng giá trị của hợp đồng tạm tính là 320.892.000 đồng.

Ngày 28/2/2020 Công ty TNHH An C đã tạm ứng cho Công ty TNHH VN số tiền 190.000.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng nói trên, Công ty TNHH VN đã tiến hành các hoạt động vận chuyển, cung cấp cọc, ép cọc đúng theo như thỏa thuận của các bên và được Công ty TNHH An C xác nhận theo Bảng quyết toán khối lượng thi công hoàn thành và bàn giao ngày 04/3/2020 và Bảng quyết toán giá trị thi công ngày 04/3/2020 với số tiền tổng cộng là 347.149.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bảy triệu một trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Ngày 06/3/2020, Công ty TNHH VN và Công ty TNHH An C ký xác nhận vào Bảng thanh lý hợp đồng trong đó số tiền còn lại là 157.149.000 đồng theo hợp đồng dựa trên khối lượng công việc thực tế thực hiện và được nghiệm thu, xác nhận giá trị thanh toán, thì ngày 26/3/2020 Công ty TNHH An C chuyển khoản trả được 50.000.000 đồng cho Công ty TNHH VN và còn lại số tiền phải trả 107.149.000 đồng.

Ngày 04/5/2020, Công ty TNHH VN có công văn yêu cầu Công ty TNHH An C thanh toán số tiền còn lại 107.149.000 đồng, chậm nhất là đến hết ngày 10/5/2020. Tuy nhiên đến hiện nay Công ty TNHH An C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại phiên tòa ông P đại diện pháp luật của Công ty TNHH VN yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH An C phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH VN số tiền nợ là 107.149.000 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo theo Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020 và theo bảng quyết toán khối lượng thi công hoàn thành và bàn giao ngày 04/3/2020 và bảng quyết toán giá trị thi công ngày 04/3/2020 và Bảng thanh lý hợp đồng ngày 06/3/2020. Công ty TNHH VN không yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày Công ty TNHH An C nợ đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì buộc lãi suất chậm trả 0,5%/ngày theo Điều 9 Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020.

- Bị đơn Công ty TNHH An C không có phần trình bày do bị đơn không đến Tòa án tiến hành các thủ tục tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nghe xét xử vụ án. Mặc dù đã tiến

hành thủ tục tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến: Qua thực hiện công tác kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đối với vụ án nhận thấy, trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ thực hiện đúng, đủ pháp luật về tố tụng; người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền gốc là 107.149.000 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020 và theo bảng quyết toán khối lượng thi công hoàn thành và bàn giao ngày 04/3/2020 và bảng quyết toán giá trị thi công ngày 04/3/2020. Công ty TNHH VN không yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày Công ty TNHH An C nợ đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì buộc lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét nguyên đơn Công ty TNHH VN với bị đơn Công ty TNHH An C về tranh chấp Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 107.149.000 đồng là tiền thi công theo bảng quyết toán khối lượng thi công hoàn thành và bàn giao ngày 04/3/2020 và bảng quyết toán giá trị thi công ngày 04/3/2020 và Bảng thanh lý hợp đồng ngày 06/3/2020. Mặc khác Công ty TNHH An C cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã nhiều lần tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng bị đơn Công ty TNHH An C đến Tòa án để giải quyết, xét xử nhưng bị đơn vẫn không đến, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH An C.

[2] Xét yêu cầu nguyên đơn Công ty TNHH VN yêu cầu Công ty TNHH An C phải thanh toán số tiền nợ 107.149.000 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo theo Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020 và theo bảng quyết toán khối lượng thi công hoàn thành và bàn giao ngày 04/3/2020 và bảng quyết toán giá trị thi công ngày 04/3/2020 và Bảng thanh lý hợp đồng ngày 06/3/2020. Công ty TNHH VN không yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày Công ty TNHH An C nợ đến ngày bản án có hiệu lực pháp

luật, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì buộc lãi suất chậm trả 0,5%/ngày theo Điều 9 Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020.

[2.1] Xét Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020 giữa nguyên đơn với bị đơn thực hiện việc cung cấp và thi công ép cọc ép đại trà cọc D300 cho dự án Bệnh viện Sản nhi Long An là hợp đồng có hiệu lực pháp. Trong quá trình thực hiện nguyên đơn Công ty TNHH VN đã thực hiện theo bảng quyết toán khối lượng thi công hoàn thành và bàn giao ngày 04/3/2020 và bảng quyết toán giá trị thi công ngày 04/3/2020 với số tiền 347.149.000 đồng và Bảng thanh lý hợp đồng ngày 06/3/2020 phía Công ty TNHH An C có ký xác nhận đóng dấu của công ty thể hiện số tiền còn nợ 157.149.000 đồng và ngày 26/3/2020 Công ty TNHH An C đã chuyển trả 50.000.000 đồng cho Công ty TNHH VN. Cho nên những chứng cứ tại Tòa cho thấy phía nguyên đơn đã thực hiện thi công ép cọc ép đại trà cọc D300 cho dự án Bệnh viện Sản nhi Long An đã xong nhưng phía bị đơn chưa thanh toán số tiền còn lại 107.149.000 đồng trong Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020 cho nguyên đơn.

[2.2] Xét nguyên đơn Công ty TNHH VN không yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày Công ty TNHH An C nợ đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét nguyên đơn Công ty TNHH VN yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì buộc lãi suất chậm trả 0,5%/ngày theo Điều 9 Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020. Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả,* ***trừ trường hợp có thoả thuận khác*** *hoặc pháp luật có quy định khác"*. Tại Điều 9 của Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020 "*Nếu bên A (Công ty TNHH An C) chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa hết số nợ thì phải chịu phạt 0,5% số tiền chậm thanh toán/ngày tính từ thời điểm chậm thanh toán*."

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận theo lãi chậm thực hiện 0,5%/ngày trên số dự nợ gốc thực nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thực trả hết nợ gốc.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016. Xét án phí sơ thẩm kinh doanh, thương mại bị đơn Công ty TNHH An C có giá ngạch 5.357.450 đồng do chấp nhận yêu cầu nguyên đơn phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 107.149.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 157; Điều 192; Điều 217; Điều 225; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn Công ty TNHH VN buộc phía bị đơn Công ty TNHH An C thực hiện trả số tiền nợ là 107.149.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu một trăm bốn mươi chín ngàn đồng) cho Công ty TNHH VN theo Hợp đồng kinh tế số: 02/HĐKT/AC-LNV/2020 ngày 20/2/2020 và theo bảng quyết toán khối lượng thi công hoàn thành và bàn giao ngày 04/3/2020 và bảng quyết toán giá trị thi công ngày 04/3/2020 và Bảng thanh lý hợp đồng ngày 06/3/2020. Việc giao trả tiền nêu trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật được thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận Công ty TNHH VN không yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày Công ty TNHH An C nợ đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Lãi chậm trả sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trên số dự nợ gốc thực nợ 107.149.000 đồng cho đến khi thực trả hết nợ gốc với mức lãi suất 0,5%/ngày.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH An C phải chịu án phí kinh tế thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 5.357.450 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi đồng) tại nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Công ty TNHH VN là 2.678.725 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0072664 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi

hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè
- Thi Hành Án huyện Nhà Bè
- Đương sự
- Lưu (Hồ sơ, Vp …)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hồng